

TÓM LƯỢC

Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam – Hàn Quốc (VKFTA)

**Trung tâm WTO và Hội nhập
Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI)**

Add: 9 Đào Duy Anh – Đống Đa - Hà Nội

Tel: 04-35771458

Fax: 04-35771459

Email: banthuky@trungtamwto.vn

Website: WWW.TRUNGTAMWTO.VN

I. TỔNG QUAN

1. Diễn tiến

- 6/8/2012: Hai bên khởi động đàm phán;
- 8/2012 – 12/2014: Hai bên đã tiến hành 8 vòng đàm phán chính thức và 8 phiên họp giữa kỳ, họp cấp Trưởng đoàn đàm phán;
- 10/12/2014: Hai bên ký kết Biên bản thỏa thuận về kết thúc đàm phán VKFTA;
- 29/3/2015: Hai bên ký tắt VKFTA, hướng tới ký kết chính thức Hiệp định trong vòng 6 tháng đầu năm 2015;
- 5/5/2015: Hai bên ký chính thức VKFTA
- Bước tiếp theo: Các bên sẽ tiến hành các thủ tục phê chuẩn Hiệp định ở nội bộ từng nước. Dự kiến VKFTA sẽ bắt đầu có hiệu lực từ đầu năm 2016

2. Đối tác

- Hàn Quốc là đối tác đã có FTA với Việt Nam trong khuôn khổ FTA ASEAN – Hàn Quốc.
- Cơ cấu sản phẩm của Hàn Quốc và Việt Nam phần lớn có tính bổ sung cho nhau, ít cạnh tranh trực tiếp.
- Quan hệ thương mại Việt Nam - Hàn Quốc:
 - + *Về Xuất Nhập khẩu*: Từ năm 1992 đến 2014, kim ngạch thương mại hai chiều tăng từ 500 triệu USD lên hơn 26 tỷ USD. Trong nhiều năm qua, Hàn Quốc luôn là đối tác thương mại lớn của Việt Nam. Năm 2014, Hàn Quốc đứng thứ 3 trong số 10 đối tác lớn nhất của Việt Nam, là thị trường xuất khẩu lớn thứ 5 và thị trường nhập khẩu lớn thứ 2 của Việt Nam.
 - + *Về Đầu tư*: Trong nhiều năm qua, Hàn Quốc luôn là nhà đầu tư lớn nhất tại Việt Nam. Trong năm 2014, đầu tư của Hàn Quốc vào Việt Nam tiếp tục dẫn đầu với 505 dự án cấp mới, 179 dự án tăng vốn, với tổng số vốn đầu tư đăng ký cấp mới và tăng vốn là 7,32 tỷ USD chiếm 36,2% tổng vốn đầu tư tại Việt Nam.

II. TÓM LƯỢC CÁC NỘI DUNG CHÍNH CỦA VKFTA

Hiệp định gồm 17 Chương (208 Điều), 15 Phụ lục và 01 Thỏa thuận thực thi quy định.

Các Chương chính là:

- Thương mại hàng hoá
 - + Các quy định chung (gọi là cam kết lời văn) và
 - + Các biểu cam kết thuế quan cụ thể (gọi là cam kết mở cửa thị trường)
- Quy tắc xuất xứ
- Thuận lợi hóa hải quan
- Phòng vệ thương mại
- Các biện pháp vệ sinh an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật (SPS)
- Hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT)
- Thương mại Dịch vụ
 - + Các quy định chung (gọi là cam kết lời văn) với các Phụ lục về Dịch vụ Viễn thông, Dịch vụ Tài chính, Di chuyển thể nhân
 - + Các biểu cam kết mở cửa dịch vụ cụ thể (gọi là cam kết mở cửa thị trường)
- Đầu tư
- Sở hữu trí tuệ
- Thương mại Điện tử
- Cạnh tranh
- Minh bạch
- Hợp tác kinh tế
- Thể chế và các vấn đề pháp lý.

Dưới đây là tóm lược một số nội dung chính trong VKFTA

1. Thương mại hàng hóa

1.1 Các cam kết thuế quan

Về cơ bản, các cam kết thuế quan trong VKFTA được xây dựng trên nền các cam kết thuế quan trong FTA ASEAN – Hàn Quốc (AKFTA), nhưng với mức độ tự do hóa cao hơn. Nói cách khác, VKFTA sẽ cắt giảm thêm một số dòng thuế mà trong AKFTA chưa được cắt giảm hoặc mức độ cắt giảm còn hạn chế.

Cụ thể, so với AKFTA, trong VKFTA:

- Hàn Quốc sẽ xóa bỏ thêm cho Việt Nam **506** dòng thuế (chiếm 4,14% biểu thuế và tương đương với 5,5% tổng kim ngạch nhập khẩu từ Việt Nam vào Hàn Quốc năm 2012)
- Việt Nam sẽ xóa bỏ thêm cho Hàn Quốc **265** dòng thuế (chiếm 2,2% biểu thuế và tương đương với 5,91% tổng kim ngạch nhập khẩu vào từ Hàn Quốc vào Việt Nam năm 2012)

Vì vậy, tổng hợp cả các cam kết trong VKFTA và AKFTA thì:

- Hàn Quốc sẽ xóa bỏ cho Việt Nam **11.679** dòng thuế (chiếm 95,44% biểu thuế và tương đương với 97,22% tổng kim ngạch nhập khẩu từ Việt Nam vào Hàn Quốc năm 2012)
- Việt Nam sẽ xóa bỏ cho Hàn Quốc **8.521** dòng thuế (chiếm 89,15% biểu thuế và tương đương 92,72% tổng kim ngạch nhập khẩu từ Hàn Quốc vào Việt Nam năm 2012)

Chú ý:

- Trong quá trình thực thi VKFTA, hai Bên có thể tham vấn và xây dựng Thỏa thuận bổ sung để đẩy nhanh hơn tốc độ cắt giảm hoặc xóa bỏ thuế quan.
- Trong trường hợp một Bên đơn phương đẩy nhanh việc cắt giảm hoặc xóa bỏ thuế quan và đã thực hiện các thủ tục thông báo chính thức cho Bên kia như quy định tại Hiệp định thì việc cắt giảm hoặc xóa bỏ đó sau khi chính thức có hiệu lực sẽ không được rút lại.

- Mỗi Bên không được phép tăng thuế hay áp đặt thêm các loại thuế mới đối với hàng hóa của Bên kia trừ các trường hợp sau:
 - + Tăng các loại thuế mà trước đó đã đơn phương giảm thuế nhưng không thuộc các trường hợp Thỏa thuận giảm thuế bổ sung hoặc đơn phương giảm thuế có thông báo chính thức nói trên;
 - + Việc áp thuế hoặc tăng thuế thực hiện theo quyết định giải quyết tranh chấp của Cơ quan Giải quyết tranh chấp WTO.

Bảng 1 – Cam kết thuế quan trong VKFTA và AKFTA

	Số dòng thuế xóa bỏ	Tỷ lệ trong biểu thuế (%)	Tỷ lệ về kim ngạch nhập khẩu 2012 (%)
Cam kết xóa bỏ thuế quan trong VKFTA			
Hàn Quốc	506	4,14	5,5
Việt Nam	265	2,2	5,91
Tổng cộng cam kết xóa bỏ thuế quan trong VKFTA và AKFTA			
Hàn Quốc	11.679	95,44	97,22
Việt Nam	8.521	89,15	92,72

Nguồn: Bộ Tài chính

Bảng 2– Về các dòng thuế Hàn Quốc xóa bỏ cho Việt Nam trong VKFTA¹

STT	Ngành	Số dòng thuế cắt giảm	Kim ngạch nhập khẩu từ Hàn Quốc (năm 2012) /Thuế NK hiện tại của Hàn Quốc
1.	Nhóm tôm	7 dòng (áp dụng hạn ngạch thuế quan)	
2.	Nhóm dệt may	24 dòng	60 triệu USD
3.	Nhóm sản phẩm gỗ	64	21 triệu USD
4.	Nhóm hoa quả nhiệt đới (tươi, đóng hộp)	18 dòng	9 triệu USD
5.	Nhóm thủy sản (đông lạnh, đóng hộp) gồm các mặt hàng cá, cua (trừ mực)	68 dòng	31 triệu USD
6.	Nhóm tỏi, gừng (khô, đông lạnh)	7 dòng	Thuế NK hiện tại từ 27 đến 300-400%
7.	Nhóm rau quả và nông sản	50 dòng	800.000 USD
8.	Mật ong	1 dòng	Thuế NK hiện tại 243%
9.	Các hàng hóa khác (cà phê, hóa chất, thực phẩm chế biến...)	Các dòng còn lại	
	Tổng cộng	502² dòng	324 triệu USD

Nguồn: Bộ Tài chính

¹ Chỉ tính số xóa bỏ cao hơn so với AKFTA

² Mặc dù trong cam kết là 506 dòng nhưng có 4 dòng đã được xóa bỏ theo MFN

Bảng 3 – Về các dòng thuế Việt Nam cam kết xóa bỏ cho Hàn Quốc³

STT	Ngành	Số dòng thuế cắt giảm	Kim ngạch nhập khẩu từ Hàn Quốc (năm 2012)
1.	Nguyên phụ liệu dệt may, da giày	31 dòng	434 triệu USD
2.	Động cơ, linh kiện, phụ tùng ô tô	33 dòng	96 triệu USD
3.	Nguyên liệu nhựa	8 dòng	49 triệu USD
4.	Điện gia dụng	15 dòng	12,5 triệu USD
5.	Máy móc thiết bị (ắc quy, máy biến thế, động cơ điện)	16 dòng	14 triệu USD
6.	Ô tô (1 dòng xe tải trên 10 tấn, 1 dòng ô tô con trên 3000cc)	2 dòng	4,6 triệu USD
7.	Sản phẩm & linh kiện điện tử	31 dòng	33 triệu USD
8.	Mỹ phẩm	7 dòng	12,7 triệu USD
9.	Dược phẩm	6 dòng	0,25 triệu USD
10.	Dây điện, cáp điện	4 dòng	3,2 triệu USD
11.	Hàng hóa khác	Các dòng còn lại	
	Tổng cộng	200⁴ dòng	737 triệu USD

Nguồn: Bộ Tài chính

³ Chỉ tính số xóa bỏ cao hơn so với AKFTA

⁴ Mặc dù trong cam kết là 265 dòng nhưng có 65 dòng đã được xóa bỏ theo MFN

Bảng 4 – Hạn ngạch thuế quan của Hàn Quốc đối với một số sản phẩm tôm Việt Nam VKFTA

Loại sản phẩm

Mã HS	Mô tả
0306161090	Tôm shrimps và tôm prawn nước lạnh, loại đông lạnh đã bóc vỏ
0306169090	Tôm shrimps và tôm prawn nước lạnh, loại lạnh chưa bóc vỏ
0306171090	Tôm shrimps và tôm prawn khác, loại đông lạnh đã bóc vỏ
0306179090	Tôm shrimps và tôm prawn khác, loại đông lạnh chưa bóc vỏ
0306261000	Tôm shrimps và tôm prawn nước lạnh, loại sống, tươi hoặc ướp lạnh
0306271000	Tôm shrimps và tôm prawn khác, sống, tươi hoặc ướp lạnh
1605219000	Tôm shrimps và tôm prawn không đóng hộp kín khí

Nguồn: Bộ Công Thương

Mức hạn ngạch áp dụng

Năm	Lượng (Tấn)	Mức thuế trong hạn ngạch	Mức thuế ngoài hạn ngạch
1	10.000	0%	Duy trì ở mức thuế cơ sở (như quy định trong biểu thuế)
2	11.000		
3	12.100		
4	13.310		
5	14.641		
6	15.000		
Từ năm thứ 7 trở đi	15.000		

Chú ý: Cơ chế hạn ngạch thuế quan theo VKFTA được áp dụng song song với cơ chế hạn ngạch thuế quan thông thường của Hàn Quốc (HSK). Do đó các sản phẩm thuộc diện hưởng hạn ngạch thuế quan theo VKFTA khi đã hết hạn ngạch theo VKFTA vẫn có thể sử dụng hạn ngạch thuế quan theo HSK.

Cách đọc biểu thuế quan

Biểu cam kết thuế quan của Việt Nam và Hàn Quốc được quy định trong các Phụ lục riêng (các Phụ lục 2-A), chia thành 02 Phần:

- **Phần A (Sector A)** – Bao gồm chủ yếu các dòng thuế còn duy trì thuế suất cơ sở⁵ ở mức tương đối cao: Các dòng thuế này sẽ được thực hiện lộ trình giảm thuế theo như quy định cụ thể tại Biểu thuế.
- **Phần B (Sector B)** – Bao gồm chủ yếu các dòng thuế mà mức thuế suất cơ sở đã về 0% (chỉ còn một số ít dòng duy trì ở mức 5%, 10%): Các dòng thuế này được quy định cụ thể về mức cắt giảm cho từng năm 2016, 2017 trong Biểu thuế và tất cả sẽ về 0% từ năm 2018 trở đi.

Bảng 5 - Các ký hiệu trong biểu thuế quan (chỉ dành cho phần A)

Danh mục	Lộ trình
Y-1	Xóa bỏ thuế quan ngay khi Hiệp định có hiệu lực
Y-3	Xóa bỏ thuế quan dần đều từ mức thuế suất cơ sở trong 3 năm kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực
Y-5	Xóa bỏ thuế quan dần đều từ mức thuế suất cơ sở trong 5 năm kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực
Y-7	Xóa bỏ thuế quan dần đều từ mức thuế suất cơ sở trong 7 năm kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực
Y-8	Xóa bỏ thuế quan dần đều từ mức thuế suất cơ sở trong 8 năm kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực
Y-10	Xóa bỏ thuế quan dần đều từ mức thuế suất cơ sở trong 10 năm kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực
Y-15	Xóa bỏ thuế quan dần đều từ mức thuế suất cơ sở trong 15 năm kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực
E	Duy trì ở mức thuế suất cơ sở

⁵ Mức thuế suất cơ sở là mức thuế suất làm mốc để cắt giảm theo lộ trình – mức này với mỗi dòng thuế được xác định cụ thể ngay trong Biểu thuế.

Một số ký hiệu riêng trong biểu cam kết của Việt Nam	
S-2	Duy trì mức thuế suất cơ sở đến trước 01/01/2021
	Từ 01/01/2021: giảm xuống 0% đến 5%
S-3	Duy trì mức thuế cơ sở đến trước 01/01/2017
	Từ 01/01/2017: giảm xuống 20% và duy trì đến trước 01/01/2021
	Từ 01/01/2021: giảm xuống 0% đến 5%
A	Duy trì mức thuế cơ sở đến trước 01/01/2021
	Từ 01/01/2021: giảm xuống còn không quá 50%
B-2	Duy trì mức thuế cơ sở đến trước 01/01/2021
	Từ 01/01/2021: giảm không ít hơn 20% mức thuế suất Việt Nam áp dụng vào thời điểm 1/1/2005 (trong trường hợp mức thuế sau khi đã giảm mà vẫn cao hơn mức thuế cơ sở thì sẽ tiếp tục áp dụng mức thuế cơ sở)
Một số ký hiệu riêng trong biểu cam kết của Hàn Quốc	
S-1	Duy trì mức thuế cơ sở đến trước 01/01/2016
	Từ 01/01/2016: giảm xuống 0% đến 5%
B-1	Duy trì mức thuế cơ sở đến trước 01/01/2016
	Từ 01/01/2016: giảm không ít hơn 20% mức thuế suất Hàn Quốc áp dụng vào thời điểm 1/1/2005 (trong trường hợp mức thuế sau khi đã giảm mà vẫn cao hơn mức thuế cơ sở thì sẽ tiếp tục áp dụng mức thuế cơ sở)
C	Duy trì mức thuế cơ sở đến trước 01/01/2016
	01/01/2016: giảm không ít hơn 50% mức thuế suất Hàn Quốc áp dụng vào thời điểm 1/1/2005 (trong trường hợp mức thuế sau khi đã giảm mà vẫn cao hơn mức thuế cơ sở thì sẽ tiếp tục áp dụng mức thuế cơ sở)
R	Không có cam kết (Hàn Quốc được phép tùy ý quy định mức thuế suất đối với các dòng này)

1.2 Cam kết về Quy tắc xuất xứ:

Để được hưởng ưu đãi thuế quan trong VKFTA, hàng hóa phải đáp ứng được các quy tắc xuất xứ của Hiệp định.

Tiêu chí xuất xứ

Theo quy định tại Hiệp định, hàng hóa sẽ được coi là có xuất xứ tại một Bên (Việt Nam hoặc Hàn Quốc) nếu đáp ứng được một trong các điều kiện sau:

- Có xuất xứ thuần túy hoặc được sản xuất toàn bộ tại lãnh thổ của Bên xuất khẩu;
- Được sản xuất toàn bộ tại lãnh thổ của Bên xuất khẩu và chỉ từ các nguyên liệu có xuất xứ; hoặc
- Không có xuất xứ thuần túy hoặc không được sản xuất toàn bộ tại lãnh thổ của Bên xuất khẩu nhưng đáp ứng được các yêu cầu về quy tắc xuất xứ được quy định cụ thể trong Phụ lục về Quy tắc xuất xứ cụ thể từng mặt hàng (Phụ lục 3-A) hoặc Phụ lục về các hàng hóa đặc biệt (Phụ lục 3-B).

Nói chung, Quy tắc xuất xứ trong VKFTA chặt hơn so với AKFTA nhưng vẫn tương đối đơn giản. Nhìn chung, để được hưởng ưu đãi thuế quan theo VKFTA, hàng hóa cần đáp ứng được một trong các tiêu chí sau:

- Tỷ lệ Hàm lượng giá trị khu vực (RVC) theo quy định (thường là trên 40%);
- Chuyển đổi mã HS (2 số, 4 số hoặc 6 số); hoặc
- Trải qua một công đoạn sản xuất hoặc chế biến nhất (các sản phẩm dệt may).

Hộp 1 - Cách tính Hàm lượng giá trị khu vực (RVC) trong VKFTA

VKFTA quy định 02 cách tính RVC – Cách tính trực tiếp và gián tiếp. Tùy theo cách tính nào có lợi hơn, doanh nghiệp có thể sử dụng theo cách đó:

- **Cách tính trực tiếp (còn gọi là phương pháp Build-Up):**

$$\text{RVC} = \text{VOM/FOB} \times 100\%$$

Trong đó VOM là trị giá của các nguyên liệu có xuất xứ (bao gồm trị giá của chi phí nguyên liệu có xuất xứ, chi phí lao động, chi phí sản xuất chung (overhead cost), lợi nhuận và các chi phí khác, trong đó:

- i) Chi phí nguyên liệu là trị giá nguyên liệu, bộ phận hay hàng hóa có xuất xứ do người sản xuất mua hoặc tự sản xuất;
- ii) Chi phí lao động bao gồm lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác cho người lao động;
- iii) Chi phí sản xuất chung là tất cả các chi phí phát sinh tại nơi sản xuất mà không phải là chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và chi phí tiền lương trực tiếp (như chi phí điện, nước...); và
- iv) Các chi phí khác bao gồm các chi phí liên quan đến việc xếp hàng lên tàu hoặc các phương tiện vận tải khác để xuất khẩu hàng, bao gồm nhưng không giới hạn bởi các chi phí vận chuyển nội địa, lưu kho bãi, bốc dỡ hàng tại cảng, phí môi giới và phí dịch vụ.

- **Cách tính gián tiếp (còn gọi là phương pháp Buil-Down)**

$$RVC=(FOB-VNM)/FOB \times 100\%$$

Trong đó VNM là trị giá nguyên liệu không có xuất xứ, cụ thể là:

- i) Trị giá CIF của nguyên liệu, bộ phận hay hàng hóa tại thời điểm nhập khẩu; hoặc
- ii) Giá mua đầu tiên xác định được của nguyên liệu, bộ phận hay hàng hóa không xác định được xuất xứ tại lãnh thổ của Bên nơi diễn ra các công đoạn sản xuất hoặc chế biến.

Cộng gộp xuất xứ

Giống như nhiều FTA khác, VKFTA cho phép cộng gộp xuất xứ, nghĩa là nguyên liệu dù được sản xuất từ Việt Nam hay Hàn Quốc đều được coi là có xuất xứ trong quá trình tính toán Hàm lượng khu vực (RVC) để được hưởng ưu đãi thuế quan theo Hiệp định.

Chú ý: Doanh nghiệp khi xuất khẩu cần cân nhắc nên sử dụng VKFTA hay AKFTA có lợi hơn. Bởi vì:

- Đa số các dòng thuế cam kết trong VKFTA thấp hơn so với AKFTA, tức là áp dụng mức thuế ưu đãi theo VKFTA sẽ có lợi hơn AKFTA, nhưng
- Quy tắc xuất xứ trong VKFTA thường khó đáp ứng hơn trong AKFTA, một phần bởi vì VKFTA chỉ cho phép cộng gộp nguyên liệu có xuất xứ từ Việt Nam và Hàn Quốc, trong khi AKFTA cho phép cộng gộp nguyên liệu có xuất xứ từ cả 10 nước ASEAN và Hàn Quốc.

Tỷ lệ không đáng kể (De Minimis)

Hàng hóa không đáp ứng được tiêu chí xuất xứ chuyển đổi mã HS vẫn được coi là có xuất xứ nếu:

- Đối với các hàng hóa không thuộc các Chương từ 50 đến 63 trong Hệ thống Hải hòa (HS), trị giá của tất cả các nguyên liệu không có xuất xứ không vượt quá 10% trị giá FOB của hàng hóa, và
- Đối với các hàng hóa thuộc các Chương từ 50 đến 63 trong Hệ thống Hải hòa (HS), trọng lượng của tất cả các nguyên liệu không có xuất xứ không vượt quá 10% tổng trọng lượng hàng hóa, hoặc giá trị của tất cả các nguyên liệu không có xuất xứ không được vượt quá 10% trị giá FOB của hàng hóa.

Quy định đối với một số hàng hóa đặc biệt

Hiệp định bao gồm một Phụ lục (3-B) về 100 hàng hóa đặc biệt (Danh mục các hàng hóa này có thể được sửa đổi nếu được cả hai Bên đồng ý).

Đây là các loại hàng hóa được sản xuất hoặc gia công chế biến tại Khu công nghiệp Khai Thành thuộc Bán đảo Triều Tiên. Hiệp định có quy định riêng về xuất xứ và cơ chế tự vệ đối với loại hàng hóa này. Cụ thể:

- ***Quy định về xuất xứ:*** Hàng hóa vẫn được xem là có xuất xứ dù được sản xuất hoặc gia công chế biến tại Khu công nghiệp Khai Thành thuộc Bán đảo Triều Tiên từ nguyên liệu xuất khẩu từ một Bên (Hàn Quốc là chủ yếu), sau đó được tái nhập trở lại Bên đó, với điều kiện tổng giá trị nguyên liệu đầu vào không có xuất xứ không vượt quá 40% trị giá FOB của hàng hóa

- ***Cơ chế tự vệ đặc biệt:***

Điều kiện áp dụng: Khi một Bên (Việt Nam là chủ yếu) xác định số lượng nhập khẩu các sản phẩm đặc biệt được áp dụng Quy định về xuất xứ ở trên đang tăng lên, theo đó có thể gây ra hoặc đe dọa gây ra tổn thất nghiêm trọng đối với ngành sản xuất trong nước, thì Bên đó được tự do đình chỉ việc áp dụng Quy định xuất xứ đó trong một khoảng thời gian mà Bên đó coi là cần thiết để ngăn chặn hoặc đối phó với tổn thất hoặc đe dọa tổn thất đối với ngành sản xuất trong nước.

Thông báo áp dụng: Việc đình chỉ của một Bên (Việt Nam là chủ yếu) phải được thông báo cho Bên kia 02 tháng trước khi bắt đầu giai đoạn đình chỉ và phải cho phép Bên kia có cơ hội để trao đổi về việc này, trừ trường hợp khẩn cấp nếu việc đình chỉ bị trì hoãn có thể gây ra tổn thất khó khắc phục, thì một Bên có thể thực hiện việc đình chỉ tạm thời mà không cần phải thông báo trước 02 tháng cho Bên kia, nhưng phải thông báo trước khi việc đình chỉ có hiệu lực.

Cơ chế áp dụng: Khi một Bên ra quyết định đình chỉ việc áp dụng Quy định về xuất xứ cho hàng hóa đặc biệt, Bên đó có thể đơn phương và vô điều kiện áp dụng việc đình chỉ đó, bao gồm:

- Không có nghĩa vụ phải chứng minh rằng có tổn thất nghiêm trọng
- Không có nghĩa vụ phải tham vấn trước
- Không có bất kỳ hạn chế nào đối với thời hạn hoặc tần suất đối với việc đình chỉ áp dụng, và
- Không có nghĩa vụ phải bồi thường

Thủ tục chứng nhận xuất xứ

Về thủ tục cấp chứng nhận xuất xứ ưu đãi (C/O), VKFTA vẫn áp dụng quy trình cấp chứng nhận xuất xứ thông qua một *cơ quan có thẩm quyền do nhà nước quy định/ủy quyền* như trong các FTA ký trước đây mà Việt Nam đang thực hiện.

Mẫu C/O được đính kèm theo văn bản Hiệp định.

Đặc biệt, Hiệp định cho phép miễn nộp giấy Chứng nhận Xuất xứ đối với các hàng hóa nhập khẩu có trị giá hải quan không quá 600 USD (trị giá FOB), hoặc một mức cao hơn nếu Nước nhập khẩu cho phép. Các FTA Việt Nam đã ký trước đây thường chỉ cho phép các hàng hóa có trị giá không quá 200 USD được miễn nộp giấy Chứng nhận xuất xứ.

2. Thương mại dịch vụ

Chương về Dịch vụ trong VKFTA được chia làm 02 phần:

- Cam kết về nguyên tắc: bao gồm các định nghĩa, các quy định chung về nghĩa vụ: Đối xử quốc gia, Đối xử tối huệ quốc..., và 03 Phụ lục về Tài chính, Viễn thông, Di chuyển thể nhân.
- Cam kết về mở cửa thị trường: là 01 Phụ lục riêng bao gồm 02 Danh mục mở cửa của Việt Nam và Hàn Quốc về từng lĩnh vực dịch vụ.

2.1. Cam kết về nguyên tắc

Hai Bên cam kết về các quy định và nghĩa vụ chung nhằm đảm bảo quyền lợi cho các nhà cung cấp dịch vụ và dịch vụ của mỗi Bên khi tiếp cận thị trường dịch vụ của Bên kia.

Mỗi Bên sẽ dành cho các nhà cung cấp dịch vụ và dịch vụ của Bên kia các quyền lợi cơ bản là:

Đối xử quốc gia (NT)

Hai Bên cam kết dành cho các nhà cung cấp dịch vụ và dịch vụ của Bên kia các đối xử không kém thuận lợi hơn các đối xử dành cho các nhà cung cấp dịch vụ và dịch vụ của mình trong các lĩnh vực có cam kết.

Đối xử Tối huệ quốc (MFN)

Nếu sau khi VKFTA có hiệu lực mà một Bên trong Hiệp định (Việt Nam hoặc Hàn Quốc) ký các thỏa thuận với một Bên thứ 3 mà trong đó dành các đối xử ưu đãi hơn cho các dịch vụ và nhà cung cấp dịch vụ của Bên thứ 3 đó, thì một Bên có thể yêu cầu tham vấn với Bên kia để xem xét khả năng gia tăng các đối xử ưu đãi trong VKFTA không kém thuận lợi hơn so với các đối xử ưu đãi trong thỏa thuận với Bên thứ 3 đó, trừ trường hợp các đối xử ưu đãi này là theo các hiệp định đã có với một Bên thứ 3 hoặc hiệp định giữa các thành viên ASEAN.

Tiếp cận thị trường

Chương Dịch vụ trong VKFTA vẫn được đàm phán dựa trên phương pháp tiếp cận Chọn – Cho tương tự như trong WTO, tức là mỗi Bên sẽ có một Danh mục các lĩnh vực cam kết trong đó liệt kê các lĩnh vực mở cửa và mức độ mở cửa,

các lĩnh vực nào không được liệt kê là không có cam kết và Bên đó có quyền tùy ý quy định.

Đối với các lĩnh vực có cam kết, tùy vào nội dung cam kết cụ thể, mỗi Bên sẽ không ban hành hoặc duy trì các biện pháp ảnh hưởng đến các nhà cung cấp dịch vụ của Bên kia như: hạn chế về số lượng nhà cung cấp dịch vụ; hạn chế về giá trị giao dịch; hạn chế về tổng số hoạt động hoặc đầu ra; hạn chế về tổng số nhân lực tuyển dụng; hạn chế về loại hình doanh nghiệp....

Lưu ý

Mặc dù hiện tại Chương Dịch vụ trong VKFTA vẫn áp dụng theo phương pháp tiếp cận Chọn – Cho, nhưng hai Bên vẫn để mở khả năng đàm phán lại theo phương pháp Chọn – Bỏ (lĩnh vực nào bảo lưu, không cam kết thì đưa vào, còn lại mở hết)

Cụ thể, trong Chương Dịch vụ có một điều khoản quy định nếu một trong 2 Bên thông qua bất kỳ hiệp định nào về thương mại dịch vụ với một Bên thứ 3 mà sử dụng phương pháp tiếp cận Chọn – Bỏ, thì một Bên có thể yêu cầu Bên kia đàm phán lại các Chương và Phụ lục liên quan đến thương mại dịch vụ và đầu tư dựa trên phương pháp tiếp cận Chọn – Bỏ. Việc đàm phán lại này sẽ tùy thuộc vào các thủ tục nội bộ của mỗi Bên nhưng phải đặt mục tiêu kết thúc trong vòng 01 năm.

03 Phụ lục về Tài chính, Viễn thông và Di chuyển thể nhân

Ngoài các nguyên tắc chung áp dụng cho tất cả các lĩnh vực dịch vụ, Chương Dịch vụ của VKFTA còn bao gồm 03 Phụ lục về các nguyên tắc bổ sung đối với các dịch vụ Tài chính, Dịch vụ Viễn thông và Di chuyển Thể nhân. Trong đó, 02 Phụ lục về Dịch vụ Viễn thông và Di chuyển thể nhân là mới so với AKFTA.

Phụ lục về Dịch vụ Tài chính quy định về một số vấn đề như: ổn định tài chính và tỷ giá, minh bạch hóa, hệ thống thanh toán và bù trừ, dịch vụ tài chính mới, giải quyết tranh chấp....

Phụ lục Viễn thông điều chỉnh các biện pháp, chính sách và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến thương mại mạng và dịch vụ viễn thông công công như: truy cập và sử dụng dịch vụ, kết nối, bán lại, bảo hộ cạnh tranh,

chuyển mạng giữ số, dịch vụ kênh đi thuê, dịch vụ phổ cập, minh bạch hóa, giải quyết tranh chấp....

Phụ lục Di chuyển thể nhân đặt ra các quyền và nghĩa vụ bổ sung ngoài các quyền và nghĩa vụ quy định cụ thể trong Phụ lục về Biểu cam kết dịch vụ của mỗi Bên mà trong đó có các cam kết về Phương thức dịch vụ 4 - Hiện diện thể nhân. Phụ lục này bao gồm các nội dung về quản lý, cấp phép, điều kiện và hạn chế đối với di chuyển thể nhân, minh bạch hóa, giải quyết tranh chấp, hợp tác và tham vấn...

2.2. Cam kết về mở cửa thị trường

So với các cam kết mở cửa thị trường dịch vụ của Việt Nam và Hàn Quốc trong WTO và AKFTA thì trong VKFTA:

Việt Nam mở cửa hơn cho Hàn Quốc trong 02 phân ngành:

- + Dịch vụ quy hoạch đô thị và kiến trúc cảnh quan đô thị
- + Dịch vụ cho thuê máy móc và thiết bị khác không kèm người điều khiển

Hàn Quốc mở cửa hơn cho Việt Nam trong 05 phân ngành:

- + Dịch vụ pháp lý
- + Dịch vụ chuyên phát
- + Dịch vụ bảo dưỡng và sửa chữa đường sắt
- + Dịch vụ hỗ trợ dịch vụ vận tải đường sắt
- + Dịch vụ nghiên cứu và phát triển khoa học tự nhiên

3. Đầu tư

Chương về Đầu tư trong VKFTA được chia làm 02 phần:

Phần A – Đầu tư, bao gồm:

- *Các cam kết về nguyên tắc chung* (bao gồm các định nghĩa, các quy định chung về nghĩa vụ Đối xử quốc gia, Đối xử tối huệ quốc...)
- *Các cam kết về mở cửa của từng Bên* (Mỗi bên sẽ có một Danh mục bảo lưu các biện pháp/lĩnh vực không phải áp dụng một số nguyên tắc đầu tư – Danh mục các biện pháp không tương thích)

Hiện tại, Phụ lục về Danh mục các biện pháp/lĩnh vực bảo lưu vẫn chưa được hình thành. Hai bên cam kết sẽ tiến hành đàm phán về Danh mục này ngay sau khi Hiệp định có hiệu lực và sẽ kết thúc đàm phán trong vòng 1 năm.

Phần B – Giải quyết tranh chấp đầu tư, bao gồm phạm vi, nguyên tắc và quy trình thủ tục giải quyết tranh chấp khi có mâu thuẫn phát sinh giữa Nhà nước của một Bên của Hiệp định và nhà đầu tư của Bên kia.

Về cơ bản, các cam kết trong Chương đầu tư phù hợp với Hiến pháp và các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam như Luật Đầu tư năm 2005. Việc thực hiện Chương này không đòi hỏi phải sửa đổi, bổ sung các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam. Nội dung của Chương cũng phù hợp với các nguyên tắc quy định tại Điều 3 của Luật Ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế và tương thích với các cam kết quốc tế khác về đầu tư.

3.1 Cam kết về Đầu tư

Mỗi Bên cam kết sẽ đảm bảo quyền lợi cho các nhà đầu tư và khoản đầu tư của các nhà đầu tư của Bên kia thông qua các nghĩa vụ quy định cụ thể trong Chương đầu tư. Trong đó, 4 nghĩa vụ cơ bản là:

Đối xử quốc gia (NT):

Mỗi Bên sẽ dành cho các nhà đầu tư và các khoản đầu tư được bảo hộ của Bên kia sự đối xử không kém thuận lợi hơn sự đối xử của Bên đó dành cho các nhà đầu tư và khoản đầu tư của bên mình.

Đãi xử tối huệ quốc (MFN):

Mỗi bên sẽ dành cho các nhà đầu tư và các khoản đầu tư được bảo hộ của Bên kia sự đối xử không kém thuận lợi hơn sự đối xử của Bên đó dành cho các nhà đầu tư và các khoản đầu tư của bất kỳ bên thứ ba nào, trừ trường hợp sự đối xử đó là theo các hiệp định đã có với bên thứ ba hoặc hiệp định giữa các thành viên ASEAN.

Trong tương lai nếu một Bên ký bất kỳ thỏa thuận hay hiệp định nào với bên thứ ba mà dành các đối xử ưu đãi hơn cho các nhà đầu tư và khoản đầu tư của bên đó thì cũng không phải dành sự đối xử tương tự cho các nhà đầu tư và khoản đầu tư của Bên kia nhưng phải dành cho Bên kia cơ hội thỏa đáng để đàm phán về việc hưởng các ưu đãi đó nếu được yêu cầu.

Các yêu cầu về hoạt động (Performance Requirements - PR)

Các Bên cam kết không áp dụng một số biện pháp ảnh hưởng đến các nhà đầu tư của Bên kia như các yêu cầu: nhà đầu tư phải đạt một tỷ lệ hàm lượng nội địa nhất định; ưu tiên mua hàng nội địa; ràng buộc tỷ lệ nhập khẩu với xuất khẩu; hạn chế việc bán hàng trên lãnh thổ của nước đó; xuất khẩu hàng đạt một tỷ lệ nhất định; chuyển giao công nghệ, quy trình, bí quyết sản xuất cho chủ thể của Bên kia....

Nhân sự quản lý cao cấp (SMBD)

Các Bên cam kết không đặt ra các yêu cầu về quốc tịch đối với nhân sự quản lý cao cấp trong doanh nghiệp đầu tư của Bên kia, nhưng có thể yêu cầu đa số thành viên Hội đồng quản trị phải mang một quốc tịch nhất định, hoặc phải cư trú trên lãnh thổ của Bên nhận đầu tư nhưng không được làm ảnh hưởng đáng kể tới khả năng kiểm soát khoản đầu tư của nhà đầu tư

Lưu ý

Bốn nghĩa vụ trên (NT, MFN, PR, SMBD) sẽ không áp dụng đối với

- *Các trường hợp thuộc Danh mục các biện pháp không tương thích hiện tại của mỗi Bên (dù sau này các biện pháp đó có được sửa đổi nhanh (prompt renewal) hoặc thay đổi (mà không làm giảm mức độ tương thích) ở:*

- + *Cấp chính quyền trung ương như được nêu trong Phụ lục I về Danh mục các biện pháp không tương thích hiện tại của mỗi Bên (Phụ lục này sẽ được đàm phán sau); hoặc*
- + *Cấp chính quyền địa phương*
- *Các biện pháp (bất kỳ, hiện tại hoặc trong tương lai) của mỗi Bên được nêu trong Phụ lục II về Danh mục các biện pháp không tương thích của mỗi Bên (Phụ lục này sẽ được đàm phán sau)*

Ngoài 04 nghĩa vụ cơ bản trên, các Bên còn có các cam kết về Tiêu chuẩn đối xử, Đền bù thiệt hại, Tước quyền sở hữu và Bồi thường, Chuyển tiền, Thế quyền, Từ chối lợi ích... nhằm đảm bảo quyền lợi/đền bù quyền lợi khi bị vi phạm cho các nhà đầu tư của Bên kia.

3.2 Cam kết về Giải quyết tranh chấp đầu tư

Tương tự như trong AKFTA, VKFTA cũng áp dụng cơ chế giải quyết tranh chấp Nhà nước – nhà đầu tư nước ngoài (ISDS). Tuy nhiên, cơ chế ISDS trong VKFTA có phạm vi áp dụng rộng hơn, và có các quy định về quy trình và thủ tục cụ thể hơn trong AKFTA.

Phạm vi áp dụng

Cơ chế giải quyết tranh chấp đầu tư trong VKFTA chỉ áp dụng cho các tranh chấp giữa một Bên (tư cách Nhà nước) và nhà đầu tư của Bên kia do Nhà nước đó vi phạm một số nghĩa vụ cam kết về đầu tư trong Hiệp định gây thiệt hại đến nhà đầu tư hoặc khoản đầu tư của nhà đầu tư của Bên kia liên quan đến việc quản lý, thực hiện, vận hành, hoặc bán hoặc các hình thức định đoạt khác khoản đầu tư đó.

Chủ thể giải quyết tranh chấp

Nhà đầu tư có quyền đưa tranh chấp ra giải quyết tại:

- Tòa án hành chính của nước nhận đầu tư: quy trình và thủ tục sẽ theo quy định và pháp luật của nước đó
- Trọng tài: theo quy trình và thủ tục quy định trong Hiệp định

Chú ý: Trong VKFTA Việt Nam và Hàn Quốc đã cam kết chấp thuận việc khởi kiện tranh chấp ra trọng tài phù hợp với các quy định trong Hiệp định.

Quy trình giải quyết tranh chấp bằng trọng tài

Bước 1 – Thông báo về ý định khởi kiện ra trọng tài

Khi phát sinh tranh chấp và nhà đầu tư muốn kiện Nhà nước nhận đầu tư ra trọng tài thì sẽ phải gửi Thông báo bằng văn bản cho Nhà nước đó về ý định khởi kiện ra trọng tài ít nhất **90 ngày** trước khi nộp đơn kiện.

Bước 2 – Tham vấn

Trong vòng **30 ngày** kể từ ngày nhà đầu tư gửi Thông báo về ý định khởi kiện ra trọng tài, các bên phải tiến hành tham vấn và thương lượng.

Bước 3 – Nộp đơn kiện

Nếu tham vấn không thành công, nhà đầu tư nếu đáp ứng được các điều kiện sau:

- Nhà đầu tư chấp thuận việc khởi kiện ra trọng tài phù hợp với các thủ tục mà Hiệp định quy định;
- Thời điểm nộp đơn diễn ra ít nhất 6 tháng kể từ khi phát sinh sự kiện tranh chấp;
- Thời điểm nộp đơn diễn ra không quá 3 năm kể từ ngày nhà đầu tư biết về việc vi phạm và thiệt hại phát sinh từ vi phạm;
- Nhà đầu tư đã gửi Thông báo về ý định khởi kiện, và
- Nhà đầu tư hoặc doanh nghiệp là pháp nhân của Nước nhận đầu tư mà nhà đầu tư sở hữu, hoặc kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp (chỉ trong trường hợp tranh chấp liên quan đến thiệt hại về lợi ích của nhà đầu tư trong doanh nghiệp đó) đã từ bỏ quyền khởi kiện ra tòa án hành chính của nước nhận đầu tư cũng như bất kỳ cơ chế giải quyết tranh chấp nào khác (trừ các thủ tục yêu cầu tòa án áp dụng biện pháp tạm thời theo pháp luật nội địa, không liên quan tới việc bồi thường thiệt hại).

thì nhà đầu tư đó có thể nộp đơn khởi kiện ra trọng tài:

- theo Công ước ICSID và Quy tắc ICSID về Tổ tụng trọng tài, nếu cả hai Bên (Việt Nam và Hàn Quốc) là thành viên của Công ước ICSID
- theo Quy tắc Phụ trợ ICSID, nếu chỉ một Bên là thành viên của Công ước ICSID;
- theo Quy tắc Trọng tài UNCITRAL; hoặc

- nếu cả hai bên tranh chấp đồng ý, theo bất kỳ tổ chức trọng tài nào hoặc bất kỳ quy tắc trọng tài nào

Bước 4 – Giải quyết tranh chấp

Tùy theo tổ chức trọng tài và quy tắc trọng tài mà các bên tranh chấp lựa chọn, và phù hợp với các quy định của Hiệp định, rọng tài giải quyết tranh chấp của các bên sẽ được thành lập và tiến hành các thủ tục giải quyết tranh chấp giữa các bên.

Bước 5 – Thực thi phán quyết

Phán quyết của trọng tài là chung thẩm, các bên phải tôn trọng và tuân thủ phán quyết đó không chậm trễ.

Trong trường hợp kết luận cuối cùng của trọng tài khẳng định nước nhận đầu tư có vi phạm, thì trọng tài có thể ra phán quyết, riêng rẽ hoặc chung, về các nội dung sau:

- thanh toán thiệt hại về tiền và tiền lãi nếu có; hoặc
- khôi phục tài sản, hoặc bồi thường tiền và tiền lãi (nếu có) thay cho việc khôi phục tài sản
- Chi phí trọng tài phù hợp với quy tắc trọng tài được lựa chọn áp dụng.

III. CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP

1. Cơ hội

Cơ hội từ Xuất khẩu: So với AKFTA, trong VKFTA Hàn Quốc mở cửa nhiều hơn cho các sản phẩm xuất khẩu của Việt Nam do đó các doanh nghiệp sẽ có thêm cơ hội tiếp cận thị trường này:

- Hàn Quốc lần đầu tiên mở cửa thị trường đối với một số sản phẩm được coi là nhạy cảm cao của nước này như tỏi, gừng, mật ong, khoai lang... (thuế nhập khẩu của Hàn Quốc đối với những mặt hàng này hiện rất cao từ 241-420%). Đây là cơ hội rất lớn cho các doanh nghiệp xuất khẩu nông sản của Việt Nam.
- Trong các nước ASEAN, Việt Nam là nước thứ hai có FTA song phương với Hàn Quốc sau Singapore (Hàn Quốc hiện cũng đang đàm phán FTA với Indonesia). Vì vậy trong ngắn hạn thì Việt Nam sẽ có lợi thế cạnh tranh lớn hơn so với các đối thủ ASEAN còn lại.
- Thị trường Hàn Quốc tuy là một thị trường phát triển với các yêu cầu và đòi hỏi tương đối cao nhưng nhìn chung vẫn dễ tính hơn các thị trường như EU, Mỹ hay Nhật Bản. Do đó, việc tăng cường quan hệ thương mại với thị trường này là bước chuẩn bị/tập dượt tốt cho các doanh nghiệp Việt Nam trong thời gian tới khi tiến sâu hơn vào các thị trường khó tính hơn.
- Trong các FTA trước đây của Việt Nam, AKFTA là FTA mà Việt Nam tận dụng được tốt nhất các lợi thế về thuế quan – có tới 70-80% hàng hóa xuất khẩu sang Hàn Quốc đáp ứng được yêu cầu về quy tắc xuất xứ để được hưởng ưu đãi thuế quan từ Hiệp định. Vì vậy, VKFTA cũng được kỳ vọng sẽ có tỉ lệ tận dụng cao như vậy để đem lại nhiều lợi ích xuất khẩu hơn cho các doanh nghiệp Việt Nam.

Cơ hội từ Nhập khẩu: Hiện tại Việt Nam đang nhập siêu từ Hàn Quốc, nếu thuế nhập khẩu từ Hàn Quốc được tiếp tục giảm so với AKFTA thì người tiêu dùng, các doanh nghiệp nhập khẩu cũng như các doanh nghiệp xuất khẩu sử dụng nguyên liệu nhập khẩu từ Hàn Quốc sẽ được hưởng thêm nhiều lợi ích từ FTA này.

Ngoài ra, dự kiến Quy tắc xuất xứ trong FTA giữa Việt Nam với EU (EVFTA) sẽ cho phép cộng gộp xuất xứ nguyên liệu nhập khẩu từ Hàn Quốc để được hưởng ưu đãi thuế quan khi xuất khẩu sang EU. Nếu như vậy việc giảm thuế cho các nguyên liệu nhập khẩu từ Hàn Quốc theo VKFTA sẽ giúp các doanh nghiệp hưởng lợi ở cả EVFTA

Cơ hội từ thu hút Đầu tư: Trong nhiều năm qua, Hàn Quốc là nhà đầu tư nước ngoài lớn nhất tại Việt Nam. Các cam kết mở cửa thị trường rộng hơn cho dịch vụ và đầu tư của Hàn Quốc, cũng như các cam kết bảo hộ đầu tư, đảm bảo quyền lợi cho các nhà đầu tư từ nước này theo VKFTA sẽ là động lực để tăng cường thu hút đầu tư từ Hàn Quốc vào Việt Nam.

2. Thách thức

Thách thức trong việc tiếp cận thị trường Hàn Quốc

- So với thị trường các nước ASEAN (hơn 600 triệu dân) hay Trung Quốc (gần 1.400 triệu dân) thì thị trường Hàn Quốc được coi là tương đối nhỏ (chỉ khoảng 50 triệu dân) trong khi đó yêu cầu về chất lượng sản phẩm, tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm hay tiêu chuẩn kỹ thuật đối với hàng hóa nhập khẩu cao hơn nhiều so với thị trường các nước ASEAN hay Trung Quốc.
- Với hệ thống bán lẻ đã được hình thành bài bản và các siêu thị có chuỗi phân phối tương đối ổn định rồi, việc thâm nhập vào các kênh bán hàng của Hàn Quốc là tương đối khó khăn đối với các doanh nghiệp Việt Nam. Nếu không có chiến lược tìm hiểu thị trường, quảng bá sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm/dịch vụ bán hàng, đảm bảo số lượng/thời hạn giao hàng... thì các doanh nghiệp Việt Nam khó có thể thâm nhập sâu hơn vào thị trường này.

Thách thức tại thị trường nội địa:

- *Về hàng hóa:* Thực hiện AKFTA, các doanh nghiệp nội địa của Việt Nam đã gặp nhiều khó khăn khi phải cạnh tranh với hàng hóa nhập khẩu từ Hàn Quốc với giá cả phải chăng và chất lượng/mẫu mã tốt hơn, nay VKFTA tiếp tục mở cửa thêm thị trường trong nước cho hàng nhập khẩu từ Hàn Quốc sẽ lại càng tạo thêm áp lực cho các doanh nghiệp trong nước.
- *Về dịch vụ và đầu tư:* Nếu như trong AKFTA Việt Nam hầu như không có cam kết gì về dịch vụ và đầu tư cao hơn so với mức cam kết của Việt Nam trong WTO thì trong VKFTA Việt Nam có nhiều cam kết mở cửa hơn cho các nhà cung cấp dịch vụ và đầu tư từ Hàn Quốc, đồng thời cũng cam kết mạnh hơn về cơ chế giải quyết tranh chấp Nhà nước – nhà đầu tư nước ngoài. Điều này một mặt gây ra áp lực cạnh tranh cho các nhà cung cấp dịch vụ và đầu tư trong nước vốn có năng lực cạnh tranh tương đối hạn chế. Mặt khác, việc tăng cường các dự án đầu tư từ Hàn Quốc sẽ tạo ra áp lực cho các cơ quan quản lý của nhà nước trong việc quản lý đầu tư cũng như các rủi ro khi xảy ra các tranh chấp về đầu tư./

THAM KHẢO THÊM

- **Toàn bộ nội dung về VKFTA** trên trang web chính thức của Trung tâm WTO và Hội nhập của VCCI:

<http://trungtamwto.vn/fta/da-ky-ket/viet-nam-han-quoc>

- **Toàn văn VKFTA bằng Tiếng Anh:**

<http://trungtamwto.vn/cachiepdinhkhac/van-ban-hiep-dinh-thuong-mai-tu-do-viet-nam-han-quoc-ban-tieng-anh>

- **Toàn văn VKFTA bằng Tiếng Việt:**

<http://trungtamwto.vn/cachiepdinhkhac/van-ban-hiep-dinh-thuong-mai-tu-do-viet-nam-han-quoc-ban-tieng-viet>

TRANG WEB CỦA MỘT SỐ CƠ QUAN/TỔ CHỨC TẠI HÀN QUỐC

- KITA – Hiệp hội ngoại thương Hàn Quốc (www.kita.net)
- KOIMA – Hiệp hội các nhà nhập khẩu (www.import.or.kr)
- KCCI – Phòng TM và CN Hàn Quốc (www.korcham.net)
- QIA - Cơ quan Giám sát và Kiểm dịch Động vật Thực vật Hàn Quốc (www.qia.go.kr)
- KCS – Hải Quan Hàn Quốc (www.customs.go.kr)
- SBC – Tập đoàn Doanh nghiệp Vừa và nhỏ Hàn Quốc (www.sbc.co.kr)
- KBIZ – Nghiệp đoàn doanh nghiệp nhỏ và vừa Hàn Quốc (www.kbiz.or.kr)
- Mạng tin tổng hợp Hàn Quốc www.korea.net

MỘT SỐ ĐỊA CHỈ HỮU ÍCH

Trung tâm WTO và Hội Nhập

Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI)

Tel: 04-35771458

Fax: 04-35771459

Email: banthuky@trungtamwto.vn

Website: WWW.TRUNGTAMWTO.VN

Vụ Thị trường châu Á – Thái Bình Dương, Bộ Công Thương

Tel: 04 2220 5423

Fax: 04 2220 5518

Email: vcattbd@moit.gov.vn

Website: www.moit.gov.vn

Cục Xúc tiến Thương mại, Bộ Công Thương

Tel: 04 3934 7628

Fax: 04 3934 8142

Cục Xuất Nhập khẩu, Bộ Công Thương

Tel: 04 3934 7628

Fax: 04 3934 8142

Thương vụ Việt Nam tại Hàn Quốc

Tel: (822) 362-2013 / 364-3661 / 364-3662

Fax: (822) 364-3664

Email: kr@moit.gov.vn

Phòng Thương mại và Công nghiệp Hàn Quốc - KCCI

Tại Hàn Quốc:

Tel: (822) 3163114

Fax: (822) 7579475

Email: trade@korcham.net

Website: <http://www.korcham.net>

Văn phòng đại diện tại Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 9, Trung tâm Deaha Business, số 360 Kim Mã, Quận Ba Đình
Hà Nội

Tel: 04-3771-3719

Fax: 04-3771-3719

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Văn bản Hiệp định VKFTA
- **Phạm Khắc Tuyên**, 2015: “VKFTA – Cơ hội và Thách thức” , tài liệu Hội thảo phổ biến về VKFTA của Trung tâm WTO và Hội nhập – VCCI
- **Đào Thu Hương**, 2015: “Cam kết thuế quan trong VKFTA”, tài liệu hội thảo phổ biến về VKFTA của Trung tâm WTO và Hội nhập – VCCI